

TỈNH ỦY NINH THUẬN

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

\*  
Số 18-NQ/TU

Ninh Thuận, ngày 19 tháng 01 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**  
**CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH**  
**về đẩy mạnh phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh**  
**đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

**I- THỰC TRẠNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP CỦA TỈNH**

Sau 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TU, gắn với thực hiện Kế hoạch 113-KH/TU trong bối cảnh có những thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen. Các cấp ủy đảng, chính quyền đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt nghiêm túc, triển khai thực hiện hoàn thành đạt và vượt 04/06 chỉ tiêu chủ yếu, trong đó một số chỉ tiêu đạt cao. Một số quy hoạch, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế-xã hội nói chung và phát triển công nghiệp nói riêng được ban hành kịp thời, tạo thuận lợi để thu hút đầu tư và phát triển công nghiệp. Kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển công nghiệp tiếp tục được quan tâm đầu tư, nhất là hạ tầng khu, cụm công nghiệp. Xúc tiến, thu hút đầu tư có nhiều chuyển biến tích cực; hỗ trợ phát triển khoa học-công nghệ đạt một số kết quả bước đầu. Công tác đào tạo nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp được quan tâm hơn; mạng lưới cơ sở dạy nghề từng bước phát triển, quy mô đào tạo ngày càng tăng, số lượng ngành nghề đa dạng, phong phú góp phần đáp ứng nhu cầu học nghề cho người lao động và nhu cầu của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp...

*Tuy nhiên*, phát triển công nghiệp còn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh; cơ cấu lại ngành công nghiệp có chuyển biến tích cực nhưng hiệu quả chưa cao; một số lĩnh vực tăng trưởng chậm; phát triển công nghiệp nặng còn nhiều khó khăn; công nghiệp chế biến, chế tạo, phụ trợ chiếm tỷ trọng thấp. Việc xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp còn bất cập, chưa đủ mạnh để tạo được đột phá phát triển. Kết cấu hạ tầng tuy được quan tâm đầu tư nhưng chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu; tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp còn thấp. Các dự án động lực triển khai chậm tiến độ và còn nhiều khó khăn. Hạ tầng đầu nối, truyền tải chưa đầu tư đồng bộ, kịp thời để giải tỏa công suất các dự án năng lượng tái tạo. Đầu tư phát triển, ứng dụng khoa học-công nghệ, chuyển đổi số vào sản xuất công nghiệp còn hạn chế. Nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu; nhất là lao động có trình độ cao của các ngành kinh tế trọng điểm. Thị trường tiêu thụ các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp, làng nghề còn khó khăn.



Về nguyên nhân hạn chế, cần nhận mạnh một số nguyên nhân chủ quan, đó là: Công tác dự báo chưa thật sát với tình hình thực tiễn. Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa thật chủ động, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo; công tác đôn đốc, kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên. Năng lực chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ của một số địa phương, cơ quan, đơn vị còn hạn chế, chưa sâu sát; phối hợp có lúc, có việc chưa chặt chẽ, đồng bộ; tinh thần trách nhiệm, năng lực, tính chủ động, sáng tạo của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có mặt còn bất cập so với yêu cầu.

## **II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

### **1. Quan điểm**

- Phát triển công nghiệp trở thành đòn bẩy để phát triển các ngành sản xuất và dịch vụ khác, phù hợp với chiến lược tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, công nghiệp xanh.

- Phát triển công nghiệp đồng bộ, tương xứng với tiềm năng và khai thác tối đa lợi thế so sánh của các tiểu vùng trong toàn tỉnh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; ưu tiên phát triển công nghiệp ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh.

- Ưu tiên phát triển các ngành, các lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh và công nghệ hiện đại, tiên tiến ở một số lĩnh vực có lợi thế như: công nghiệp năng lượng (điện gió, điện mặt trời, điện khí, thủy điện tích năng), cảng biển, đóng tàu, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp phụ trợ...

- Huy động có hiệu quả mọi nguồn lực từ các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh để phát triển, cơ cấu lại ngành công nghiệp theo hướng sử dụng công nghệ cao, hiện đại, quy mô lớn, công nghiệp sạch, thân thiện môi trường, tạo nguồn thu lớn, bền vững cho ngân sách.

- Chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu, tạo điều kiện để thu hút các doanh nghiệp có tiềm lực mạnh đầu tư vào các ngành công nghiệp có lợi thế của tỉnh.

### **2. Mục tiêu, chỉ tiêu đến năm 2025**

- Đến năm 2025, Ninh Thuận là tỉnh phát triển khá, cơ bản là một trong những trung tâm năng lượng, năng lượng tái tạo của cả nước. Tập trung phát triển công nghiệp năng lượng, cảng biển, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp phụ trợ và một số ngành công nghiệp khác. Phần đầu giá trị sản xuất công nghiệp tăng 17-18%/năm. Tỷ trọng ngành công nghiệp chiếm 29-30% giá trị GRDP toàn tỉnh.

- Xác định phát triển năng lượng, năng lượng tái tạo là trụ cột, là động lực và là một trong những ngành đột phá thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội. Đến năm



2025 tổng công suất các nhà máy điện đưa vào vận hành khoảng 6.500 MW (điện mặt trời 3.440 MW, điện gió trên bờ và gần bờ 1.200 MW, thủy điện 360 MW, điện khí LNG 1.500 MW). Phát triển năng lượng phù hợp với tiềm năng, lợi thế của tỉnh, cung cấp nguồn năng lượng ổn định với giá cả hợp lý để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Khuyến khích phát triển các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng năng lượng tái tạo.

- Phát triển công nghiệp chế biến theo hướng hiện đại, thân thiện với môi trường; ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có nhiều tiềm năng, lợi thế gắn với vùng nguyên liệu. Phát triển mạnh một số sản phẩm công nghiệp chế biến, nhất là chế biến xuất khẩu các sản phẩm đặc thù, có khả năng cạnh tranh cao, tham gia vào chuỗi giá trị.

- Thu hút đầu tư các dự án công nghiệp phụ trợ, công nghiệp mới với công nghệ cao, quy mô hiện đại, công nghiệp sạch để góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phát triển công nghiệp khai khoáng vật liệu xây dựng, công nghiệp nặng, các ngành công nghiệp khác, phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề theo quy hoạch.

- Tập trung hoàn thành đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; thu hút đầu tư các dự án thứ cấp vào các khu, cụm công nghiệp; tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp hiện có đạt từ 50% trở lên.

### **3. Định hướng đến năm 2030**

Đến năm 2030 phát triển một số sản phẩm công nghiệp chế biến, nhất là sản phẩm chế biến xuất khẩu có sức cạnh tranh quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị trong nước và từng bước tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh năm 2010) đạt bình quân 18%/năm, tỷ trọng công nghiệp trong GRDP đạt 40%.

Đầu tư hoàn thiện hạ tầng, nâng cao tỷ lệ lấp đầy và khai thác hiệu quả các Khu, cụm công nghiệp. Thu hút đầu tư và đưa vào vận hành các nhà máy điện để đạt quy mô công suất 11.800 MW. Tập trung nguồn lực hỗ trợ xây dựng một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ có quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh cao trên thị trường trong nước và quốc tế.

## **III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền nhằm tạo sự chuyển biến tích cực, rõ nét hơn về phát triển công nghiệp. Đổi mới công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của phát triển công nghiệp.



Chỉ đạo tiếp tục triển khai thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh về phát triển công nghiệp, nhất là Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018 – 2023; Kế hoạch số 113-KH/TU, ngày 11/7/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 239-KH/TU ngày 26/5/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

## **2. Hoàn thiện, đổi mới cơ chế chính sách phát triển công nghiệp**

Rà soát quy hoạch tỉnh, các loại quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành có liên quan đảm bảo đồng bộ, thống nhất; hoàn thiện quy hoạch phát triển các sản phẩm chủ lực gắn với tạo vùng nguyên liệu tập trung, ổn định. Nghiên cứu đề xuất các cơ chế, chính sách cụ thể để triển khai thực hiện Nghị quyết 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị; triển khai đồng bộ các cơ chế, chính sách liên quan để đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm rà soát, cắt giảm mạnh thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Tăng cường kêu gọi, thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp trọng điểm, có lợi thế; ưu tiên lựa chọn nhà đầu tư có năng lực tài chính, kinh nghiệm gắn với tăng cường công tác hậu kiểm sau cấp phép đầu tư.

## **3. Tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, thu hút các nguồn lực để phát triển các nhóm ngành công nghiệp**

Tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp; đẩy mạnh thu hút đầu tư dự án thứ cấp vào các khu, cụm công nghiệp hiện có, nâng tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp Phước Nam, Du Long đạt trên 50% vào năm 2025; tiếp tục kiến nghị Trung ương sớm chấp thuận phê duyệt chủ trương đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Cà Ná. Quan tâm đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp Quảng Sơn, Hiếu Thiện, Phước Tiến, chế biến thủy sản tập trung. Đẩy mạnh đầu tư, nâng cấp, cải tạo, phát triển đồng bộ hạ tầng hỗ trợ kết nối cho ngành công nghiệp phát triển như: Cảng biển Cà Ná, Cảng Ninh Chữ, ga đường sắt, các tuyến giao thông đường bộ, hạ tầng cấp điện, cấp nước...

Thu hút, huy động nguồn lực đầu tư phát triển các nguồn năng lượng (điện gió, điện gió ngoài khơi, điện mặt trời, điện khí, thủy điện tích năng) theo đúng quy hoạch. Đầu tư đồng bộ với hạ tầng truyền tải, cung cấp nguồn năng lượng ổn



định có chất lượng cao với giá cả hợp lý để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Đồng thời, hỗ trợ phát triển các dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phục vụ năng lượng tái tạo.

Tập trung phát triển ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (nông, lâm, thủy sản, muối và sản phẩm sau muối,...), công nghiệp hỗ trợ (sản phẩm hỗ trợ của ngành dệt may, điện tử, sản xuất lắp ráp ô tô, cơ khí chế tạo, đóng tàu, sửa chữa tàu thuyền ...), công nghiệp khai khoáng – vật liệu xây dựng, công nghiệp nặng (sản xuất thép-cán nóng, cán nguội, định hình,...), các ngành công nghiệp khác (dệt may, bao bì, phân bón, sản xuất các thiết bị giải trí, giáo dục,...).

Tiếp tục quan tâm phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề; chú trọng đẩy mạnh Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), tạo liên kết chuỗi giá trị để nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần phát triển kinh tế nông thôn.

Tập trung đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút các dự án công nghiệp mới, công nghệ cao, quy mô lớn, hiện đại, thân thiện môi trường; ưu tiên thu hút vào khu, cụm công nghiệp nhất là công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp bảo quản sau thu hoạch, chế biến nông, lâm, thủy sản theo chiều sâu, tăng sản phẩm có hàm lượng khoa học-công nghệ và giá trị gia tăng để tạo nguồn, đóng góp nhiều cho ngân sách.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, nhất là cảng biển tổng hợp Cà Ná, Trung tâm điện lực LNG Cà Ná. Tiếp tục kiến nghị Chính phủ, các Bộ, ngành về đẩy nhanh tiến độ triển khai đầu tư xây dựng hệ thống truyền tải 500kV, 220kV để giải toả công suất các dự án năng lượng, năng lượng tái tạo phát triển mới trên địa bàn tỉnh.

#### **4. Phát triển nhanh nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng**

Tiếp tục thực hiện các giải pháp đột phá mạnh mẽ, phát triển và đổi mới giáo dục nghề nghiệp gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực trình độ cao, chuyên môn phù hợp; đa dạng hóa ngành nghề đào tạo đáp ứng nhu cầu thị trường lao động các ngành công nghiệp, phù hợp yêu cầu phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh; đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

#### **5. Chính sách khoa học - công nghệ cho phát triển công nghiệp**

Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, tận dụng có hiệu quả thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 để khai thác các tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Có chính sách khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ hiện đại, thông minh, tiết kiệm nhiên liệu, thân thiện môi trường; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật-công nghệ mới vào sản xuất góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực, các thành phần kinh tế. Tăng cường công tác nghiên cứu ứng



dụng các đề tài khoa học, công tác khuyến công, hỗ trợ đầu tư máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất nhằm nâng cao chất lượng, hướng tới hội nhập thương mại quốc tế theo hướng tích cực, toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả.

#### **6. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghiệp, xây dựng bộ máy quản lý tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả**

Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong xây dựng và triển khai thực hiện chính sách phát triển công nghiệp. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, thực hiện chuyển đổi số, chia sẻ thông tin quản lý. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Tập trung giải quyết tốt công tác thu hồi giải phóng mặt bằng cho các dự án đầu tư, nhất là các dự án trọng điểm, có tính lan tỏa, kết nối cao. Thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển công nghiệp gắn với thực hiện chính sách khai thác hiệu quả tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

### **IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc chỉ đạo việc tổ chức quán triệt sâu kỹ, hiệu quả Nghị quyết đến toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân; đồng thời căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và tình hình thực tiễn để xây dựng nghị quyết chuyên đề, chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện phù hợp, hiệu quả các nội dung Nghị quyết.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng nghị quyết, chương trình và các cơ chế, chính sách liên quan đến đẩy mạnh phát triển công nghiệp bảo đảm hiệu quả, khả thi phù hợp với tình hình thực tế; đồng thời, tăng cường công tác theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức triển khai học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết đến các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong tỉnh. Đồng thời, chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng chỉ đạo, định hướng cơ quan thông tin, truyền thông tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết, các chủ trương, chính sách liên quan; kịp thời phát hiện, đưa tin những cách làm hay, điển hình tốt để nhân rộng.

4. Đảng Đoàn Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh chủ trì, phối hợp với các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh xây dựng kế hoạch quán triệt, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện Nghị quyết. Đồng thời, phát huy

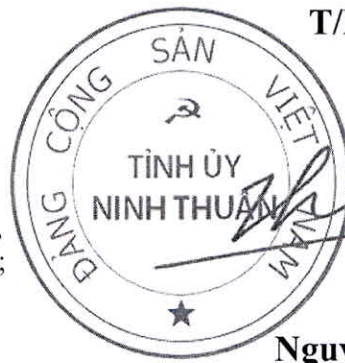
hiệu quả vai trò giám sát, phản biện xã hội đối với việc xây dựng và triển khai thực hiện nghị quyết và các chủ trương chính sách có liên quan.

5. Ban cán sự Đảng UBND tỉnh chỉ đạo cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch và bố trí nguồn lực, giao nhiệm vụ cụ thể cho các ngành, các cấp tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết; nghiên cứu đưa một số chỉ tiêu của Nghị quyết vào nhóm chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hàng năm để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Đồng thời, chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện; định kỳ hàng năm, 3 năm, 5 năm có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời đề xuất các giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm thực hiện thắng lợi, toàn diện các nội dung Nghị quyết đề ra.

Nghị quyết này được phổ biến, tuyên truyền, quán triệt đến các chi bộ, đảng bộ và toàn thể Nhân dân trong tỉnh.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương,
- Ban cán sự đảng Chính phủ,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, mặt trận, đoàn thể tỉnh;
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.



**T/M TỈNH ỦY  
BÍ THƯ**

**Nguyễn Đức Thanh**

